

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
Số: 4168/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Krông Pắc, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 20/05/2014 và Luật Xây dựng ngày 17/06/2021;

Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quy chuẩn Việt Nam số 01/2021/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 20/10/2022, của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 15/2023/QĐ-UBND ngày 23/05/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định phân công, phân cấp tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 3696/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Krông Pắc về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng;

Căn cứ Công văn số 3670/UBND-TCKH ngày 15/8/2024 của UBND huyện Krông Pắc V/v lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 64/BCTĐ-KTHT ngày 17/9/2024 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc.

2. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Krông Pắc.

3. Đơn vị lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty TNHH kiến trúc đầu tư xây dựng Phú Thịnh.

4. Địa điểm quy hoạch: Xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc.

Phạm vi ranh giới quy hoạch: Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch tại xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc. Với tổng diện tích là 47,68ha:

Ranh giới lập quy hoạch như sau:

+ Phía Bắc giáp đất trồng cây công nghiệp.

+ Phía Nam giáp đất trồng cây lâu năm.

+ Phía Tây giáp đất trồng cây lâu năm.

+ Phía Đông giáp đất trồng cây lâu năm.

5. Dân số quy hoạch: Khoảng 800 người.

6. Diện tích quy hoạch: Khoảng 47,68 ha.

7. Tính chất và mục tiêu quy hoạch

* Tính chất: Là khu đất vừa phục vụ khai thác quỹ đất, hình thành hệ thống hạ tầng đồng bộ, tạo thêm quỹ đất phục vụ nhu cầu đời sống an sinh cho người đồng bào dân tộc thiểu số tái định canh, định cư. Xây dựng nếp sống văn minh, hiện đại, đảm bảo không gian kiến trúc cảnh quan, môi trường sinh thái theo hướng bền vững. Đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Phục vụ về nhu cầu sinh hoạt, ở, phát triển trồng trọt chăn nuôi cho đồng bào dân tộc thiểu số từng bước cải thiện đời sống, xóa đói giảm nghèo trên địa bàn xã.

* Mục tiêu.

+ Mục tiêu đầu tư của dự án là cấp đất ở, đất sản xuất (định canh, định cư) cho 148 hộ/740 khẩu là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ cư trú tại các buôn Kon Tây, Cư Drang, Kon H'Rinh, Ea Mao và buôn Kon Wang, xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc.

+ Bố trí đất tái định cư, định canh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhằm ổn định đời sống cho đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Làm cơ sở để phát triển xây dựng khu dân cư cho đồng bào dân tộc và xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, quản lý đất đai và quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn xã, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Làm cơ sở pháp lý để quản lý đất đai, xây dựng, bố trí dân cư xác định các dự án đầu tư xây dựng cho các bước tiếp theo.

8. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU QH
I	Chỉ tiêu sử dụng đất theo QCXDVN 01:2021/BXD		

TT	HẠNG MỤC	ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU QH
1	Đất xây dựng công trình nhà ở	m ² /người	≥25
2	Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	m ² /người	≥5
3	Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	m ² /người	≥5
4	Cây xanh thể dục thể thao	m ² /người	≥2
III	Tổng diện tích đất quy hoạch	ha	47,68
IV	Dân số dự báo	người	Khoảng 800
V	Chỉ tiêu sử dụng đất		
1	Đất ở (các lô đất ở gia đình)	%	25 - 30
2	Đ Cây xanh thể dục thể thao		≥ 5
3	Đất công cộng và chức năng khác (TMDV)		2 - 5
4	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật		20 - 30
5	Đất nông, lâm ngư nghiệp, đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ sản xuất		40 - 50
VI	Tầng cao tối thiểu, tối đa công trình		
1	Nhà ở	tầng	1 ÷ 3
2	Đất công cộng và chức năng khác (TMDV)		1 ÷ 2
3	Cây xanh thể dục thể thao		0 ÷ 1
VII	Mật độ xây dựng tối thiểu, tối đa		
1	Nhà ở	%	≤ 60
3	Đất công cộng và chức năng khác (TMDV)		≤ 40
4	Cây xanh thể dục thể thao		≤ 5
VIII	Hạ tầng kỹ thuật		
1	Cấp nước sinh hoạt	l/người-ng.đ	≥ 60
2	Thoát nước	% Q cấp sinh hoạt	≥ 80
3	Cấp điện sinh hoạt	Wh/người	150
4	Rác thải sinh hoạt	Kg/người/ng.đ	0,8

9. Yêu cầu của đồ án quy hoạch

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 20/10/2022, của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung xây dựng xã có liên quan đến khu quy hoạch;

- Đề nghị tổng hợp danh mục, đánh giá các công trình hiện trạng ... để đưa ra giải pháp kiến trúc, các chỉ tiêu quy hoạch phù hợp việc điều chỉnh, theo đó đề xuất các giải pháp điều chỉnh quy hoạch, đề xuất phương án phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Do địa hình phức tạp, trong quá trình thực hiện triển khai san lấp theo quy quy không đủ lô đất giao cho các hộ dân vì vậy, đã được UBND tỉnh thống nhất

theo Công văn số 10484/UBND-TH, ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh và bổ sung khối lượng dự án định canh định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc, hạng mục: Đường giao thông từ trung tâm xã vào vùng dự án, đường giao thông đi khu sản xuất, san nền khu dân cư. Thực hiện theo Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Lắk trong đó có nêu mục tiêu đầu tư dự án: cung cấp đất ở và đất sản xuất (định canh, định cư) cho 148 hộ/740 khẩu. Do vậy, việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết để đảm bảo 148 lô giao đất cho các hộ dân là hết sức cần thiết.

Bám theo Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 25/9/2017 về việc phê duyệt Đề án thực hiện chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ mức hỗ trợ đất ở bình quân cho mỗi hộ 200m²/hộ. Dự kiến điều chỉnh diện tích tất cả các lô từ 1000m² xuống để đảm bảo giao đủ cho 148 hộ dân.

- Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: Xác định chức năng, diện tích, chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có);

- Xác định mái taluy, độ dốc mái an toàn cho công trình xây dựng và nhà ở của các hộ dân.

- Giải pháp xử lý hệ thống thoát nước mặt cho các tuyến đường trong khu quy hoạch. Giải pháp chống sạt lở công trình....

- Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến lô đất, bao gồm các nội dung sau:

- + Giải pháp quy hoạch cải tạo mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, môi trường trong khu vực lập quy hoạch: Đề nghị tổng hợp đánh giá hệ thống giao thông hiện trạng trung tâm xã; hạ tầng cấp nước, thoát nước, cấp điện, hệ thống viễn thông thụ động,... để đưa ra giải pháp, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, đất đai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội Trung tâm xã đề xuất phương án cải tạo, chỉnh trang phù hợp.

- + Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất;

- + Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung về vị trí, quy mô bãi đỗ xe, điểm quay đầu xe (nếu có);

- + Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường cống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết;

- Đánh giá môi trường chiến lược:

- + Đánh giá hiện trạng, xác định các vấn đề môi trường chính tại khu vực lập quy hoạch; Dự báo tác động và diễn biến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch điều chỉnh; Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường và thứ tự ưu tiên thực

hiện.

10. Hồ sơ sản phẩm

Thông tư số 04/2022/TT-BXD, ngày 20/10/2022, của Bộ Xây dựng về việc quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

TT	THÀNH PHẦN HỒ SƠ	TỶ LỆ	SỐ LƯỢNG	
			MÀU	TRẮNG ĐEN
I	Phần bản vẽ			
1	Sơ đồ vị trí, ranh giới khu vực lập quy hoạch	1/2000	02	7
2	Bản đồ hiện trạng tổng hợp: Đánh giá hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và đánh giá đất xây dựng	1/500	02	7
3	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/500	02	7
4	Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan	1/500	02	7
5	Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật	1/500	02	7
6	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật <ul style="list-style-type: none">- Quy hoạch hệ thống giao thông.- Quy hoạch san nền chuẩn bị kỹ thuật.- Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng.- Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.- Quy hoạch hệ thống cấp nước và PCCC.- Quy hoạch hệ thống thoát nước mặt.- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải & vsmt.	1/500	02	7
7	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/500	02	7
II	Phần văn bản			
1	Thuyết minh tổng hợp	A4	02	7
2	Bản vẽ thu nhỏ A3 (trong thuyết minh tổng hợp)	A3	02	7
3	Dự thảo tờ trình, Quyết định phê duyệt, Quy định quản lý	A4		03
III	Đĩa CD Rom (chứa tất cả các dữ liệu trên)			03

11. Kinh phí lập quy hoạch

Tổng dự toán chí phí lập quy hoạch: 314.995.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn).

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

12. Thời gian và tiến độ: Không quá 04 tháng kể từ ngày nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

13. Thông tin các bên có liên quan

Cơ quan phê duyệt quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Krông Pắc.

Cơ quan thẩm định: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Krông Pắc.

Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Krông Pắc.

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH kiến trúc đầu tư xây dựng Phú Thịnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Đơn vị lập quy hoạch: Phòng Kinh tế và Hạ tầng là chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện hợp đồng với đơn vị tư vấn có đủ năng lực tiến hành lập điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc theo đúng các quy định hiện hành.

2. Chủ tịch UBND xã Ea Yiêng phối hợp với phòng Kinh tế và Hạ tầng cung cấp các thông tin liên quan đến lập đồ án quy hoạch cho đơn vị tư vấn trong suốt quá trình thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, KTHT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH


Đinh Xuân Diệu

DỰ TOÁN CHI PHÍ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500
DỰ ÁN: ĐỊNH CANH, ĐỊNH CƯ ĐỒNG BÀO THIÊU SỐ XÃ EA YIÊNG, HUYỆN KRÔNG PẮC

Stt	Diễn giải chi phí	Ký hiệu	Định mức	Cách tính (ĐA tỷ lệ 1:500)	Chi phí trước thuế (đồng)	Thuê VAT 8% (đồng)	Chi phí sau thuế (đồng)
					(1)	(2) = (1)*8%	(3)=(1)+(2)
I	Khảo sát bình đồ địa hình	G_{ks}		dự toán chi tiết	15,575,705	1,246,056	16,822,000
II	Cộng chi phí lập đồ án quy hoạch	G_{lqh}			278,539,777	17,957,356	296,497,000
1	Chi phí lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ	G _{lđđ}		Chi phí chuyên gia	176,047,000	14,083,760	190,131,000
2	Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch	G _{lnv}		Định mức tỷ lệ % *G _{lnv}	43,790,320	3,503,226	47,294,000
3	Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch	G _{tdnv}	20.0%	Định mức tỷ lệ % *G _{lđđ}	8,758,064		8,758,000
4	Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng	G _{tdđđ}	12.3%	Định mức tỷ lệ % *G _{lđđ}	21,653,781		21,654,000
5	Chi phí quản lý nghiệp vụ việc lập đồ án quy hoạch xây dựng	G _{qlđđ}	10.6%	Định mức tỷ lệ % *G _{lđđ}	18,660,982		18,661,000
6	Chi phí tổ chức lấy ý kiến cộng đồng	G _{yked}	2.0%	Tối thiểu 5.000.000 đồng	5,000,000		5,000,000
7	Chi phí công bố quy hoạch	G _{cbqh}	3.0%	Tối thiểu 5.000.000 đồng	4,629,630	370,370	5,000,000
III	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán		0,57%	(I+II) x 0,57%	1,676,456		1,676,000
IV	Tổng cộng (I+II+III)						314,995,000

Bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng chẵn.

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ QUY HOẠCH

TT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia	Bảng tích chi tiết đính kèm	82,950,000	Ccg
2	Chi phí quản lý	$55\% \times Ccg$	45,622,500	Cql
3	Chi phí khác	Bảng tích chi tiết đính kèm	37,510,000	Ck
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	$6\% \times (Ccg+Ck)$	9,964,950	TN
	Cộng		176,047,000	

BẢNG CHI PHÍ CHUYÊN GIA

Áp dụng mức lương chuyên gia tư vấn theo bảng 6.3, phụ lục VI, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng

STT	Chức danh	Chuyên môn	Kinh nghiệm	Tiền lương (đ)	Thời gian thực hiện (ngày)	Thành tiền
						(đồng)
1	Chủ nhiệm đồ án	Kiến trúc sư	≥ 15năm	1,500,000	7	10,500,000
2	Chủ trì quy hoạch	Kiến trúc sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
3	Triển khai kiến trúc	Kiến trúc sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
4	Chủ trì bộ môn hạ tầng kỹ thuật	Kỹ sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
5	Thiết kế giao thông, san nền	Kỹ sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
6	Thiết kế cấp điện, TTLL	Kỹ sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
7	Thiết kế cấp thoát nước	Kỹ sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
8	Thông kê, thu thập dữ liệu	Kỹ sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
9	Bộ môn danh giá môi trường	Kỹ sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
10	Kỹ sư kinh tế xây dựng	Kỹ sư	≥ 10năm	1,150,000	7	8,050,000
	Cộng					82,950,000

BẢNG CHI PHÍ KHÁC

STT	Khoản mục chi phí	Diễn giải	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
1	Văn phòng phẩm				1,600,000
	Giấy A3	5 ram x 150.000 đ/ram	5	150,000	750,000
	Giấy A4	10 ram x 80.000 đ/ram	10	85,000	850,000
2	Chi phí photo hồ sơ				26,660,000
	Bản vẽ A0 phục vụ hội nghị, lấy ý kiến (bản vẽ màu)	02 bộ x 14 tờ x 80.000đ/tờ	28	80,000	2,240,000
	Bản vẽ A0 trình thẩm định (bản vẽ màu)	02 bộ x 14 tờ x 80.000đ/tờ	28	80,000	2,240,000
	Bản vẽ A0 đồ án hoàn thành đúng tỷ lệ 1/500 (bản vẽ màu)	02 bộ x 66 tờ x 80.000đ/tờ	132	80,000	10,560,000
	Bản vẽ A0 đồ án hoàn thành đúng tỷ lệ 1/500 (bản vẽ trắng)	07 bộ x 66 tờ x 30.000đ/tờ	462	30,000	13,860,000
3	Chi phí khác				9,250,000
	Công tác phí	10 người x 5 ngày x 250.000đ/người/ngày	35	250,000	8,750,000
	Thông tin liên lạc	10 người x 1 tháng x 50.000đ/người/tháng	10	50,000	500,000
	Tổng chi phí				37,510,000

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ KHẢO SÁT

STT	CHI PHÍ	KÝ HIỆU	HỆ SỐ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ (đ)
	CHI PHÍ THEO ĐƠN GIÁ				
	Chi phí Vật liệu	A1		Bảng Dự toán	38,051
	Chênh lệch Vật liệu	CLVL		Bảng giá trị vật tư	-
	Chi phí Nhân công	B1		Bảng Dự toán	7,501,358
	Chênh lệch Nhân công	CLNC		Bảng giá trị vật tư	213,656
	Chi phí Máy thi công	C1		Bảng Dự toán	526,158
	Chênh lệch Máy thi công	CLMTC		Bảng giá trị vật tư	-
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP				
1	Chi phí Vật liệu	VL	1.00	$(A1+CLVL)*1$	38,051
2	Chi phí Nhân công	NC	1.00	$(B1+CLNC)*1$	7,715,014
3	Chi phí Máy thi công	MTC	1.00	$(C1+CLMTC)*1$	526,158
	Cộng chi phí trực tiếp	T		VL+NC+MTC	8,279,224
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP				
	Chi phí chung	C	70.00	$NC*70\%$	5,400,510
	Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công, Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	LT+TT	3.80	$T*3,8\%$	314,611
	Cộng chi phí gián tiếp	GT		C+LT+TT	5,715,120
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	6.00	$6%*(GT+T)$	839,661
IV	CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT XÂY DỰNG	Cpvks		$Cpa+Cbc+Ckpvs$	741,700
	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng	Cpa	2	$2%*(T+GT+TL)$	296,680
	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát	Cbc	3	$3%*(T+GT+TL)$	445,020
	Chi phí khác phục vụ khảo sát	Ckpvs			
	Chi phí khảo sát xây dựng trước thuế	G		T+GT+TL+Cpvks	15,575,705
V	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	TGTGT	8.00	$G*8\%$	1,246,056
	Chi phí khảo sát sau thuế	Gks		Gtt+Tgtgt	16,821,762
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	Cdp		$Cdp%*Gks$	-
	TỔNG CỘNG	TC		Gks+Cdp	16,822,000

Bảng chữ: Mười sáu triệu tám trăm hai mươi hai ngàn đồng chẵn

UBND HUYỆN KRÔNG PẮC
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63 /TT-KTHT

Krông Pắc, ngày 18 tháng 9 năm 2024.

TỜ TRÌNH

Đề nghị UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc.

Thực hiện Công văn số 3670/UBND-KTHT ngày 15/8/2024 của UBND huyện Krông Pắc V/v lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc.

Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã tiến hành thẩm định các nội dung liên quan đến nhiệm vụ và dự toán điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số xã Ea Yiêng tại Báo cáo thẩm định số 64/BCTĐ-KTHT ngày 17/9/2024.

Kính trình Chủ tịch UBND huyện xem xét ban hành quyết định phê duyệt.

Nơi nhận: *Handwritten signature*
- UBND huyện (trình phê duyệt);
- Lưu KTHT.



TRƯỞNG PHÒNG

Handwritten signature
Nguyễn Văn Hùng